

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẢNG AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 5.0./GTr-CAG

An Giang, ngày 08 tháng 08 năm 2023

V/v: Giải trình chênh lệch lợi  
nhuận sau thuế BCTC giữa niên  
độ đã kiểm toán năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

1. Tổ chức đại chúng: Công ty Cổ phần Cảng An Giang

2. Mã chứng khoán: CAG

3. Trụ sở chính: Quốc lộ 91, Tổ 15, Khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,  
Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Điện thoại: (0296) 3831 447 – (0296) 3831 535; Fax: (0296) 3831 129.

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1600125108 do Sở Kế hoạch và  
Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 29/03/2011, cấp thay đổi lần thứ 01 ngày  
11/01/2016.

5. Nội dung: Giải trình chênh lệch biến động lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu  
năm 2023 so với năm 2022.

Theo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023, lợi nhuận sau thuế  
của Công ty Cổ phần Cảng An Giang giảm 2,464 tỷ đồng, tỷ lệ giảm so 6 tháng  
đầu năm 2022 (biến động hơn 10%). Công ty giải trình như sau:

DVT: đồng

Số tt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	chênh lệch	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)x100
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.558.203.155	42.698.352.144	(4.140.148.989)	(9,70)
2	Giá vốn hàng bán	31.050.616.001	30.734.426.201	316.189.800	1,03
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.507.587.154	11.963.925.943	(4.456.338.789)	(37,25)
4	Doanh thu hoạt động tài chính	1.768.364.731	1.427.855.705	340.509.026	23,85
5	Chi phí tài chính	275	0	275	-
6	Chi phí bán hàng	677.898.183	704.388.820	(26.490.637)	(3,76)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.840.354.837	5.043.388.717	(203.033.880)	(4,03)



Số tt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	chênh lệch	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)x100
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.757.698.590	7.644.004.111	(3.886.305.521)	(50,84)
9	Thu nhập khác	250	327	(77)	(23,55)
10	Chi phí khác	1.664.147	653.478.108	(651.813.961)	1.305.292.069
11	Lợi nhuận khác	(1.663.897)	(653.477.781)	651.813.884	(99,75)
12	Tổng lợi nhuận trước thuế	3.756.034.693	6.990.526.330	(3.234.491.637)	(46,27)
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	778.679.339	1.549.200.888	(770.521.549)	(49,74)
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.977.355.354	5.441.325.442	(2.463.970.088)	(45,28)



- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 4.140 triệu đồng, giá vốn hàng bán tăng 316 triệu đồng làm cho lợi nhuận gộp giảm 4.456 triệu đồng .

- Doanh thu tài chính tăng 341 triệu đồng, chi phí tài chính không đáng kể ,làm cho lợi nhuận tăng 340 triệu đồng .

- Chi phí bán hàng giảm 26 triệu đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 203 triệu đồng làm lợi nhuận tăng 229 triệu đồng .

- Thu nhập khác giảm không đáng kể , chi phí khác giảm 652 triệu đồng làm lợi nhuận khác tăng 652 triệu đồng .

Chính 4 yếu tố trên và chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 771 triệu đồng làm tổng lợi nhuận sau thuế giảm 2,464 tỷ đồng .

Trên đây là giải trình tình hình biến động lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 so với 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty Cổ phần Cảng An Giang, xin báo cáo đến Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, HNX và Quý cổ đông được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Thành Hiệp